TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 415/2022/HC-PT
Ngày: 08 - 6 - 2022
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Nguyễn Văn Tửu

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Hà Văn Hừng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 191/2021/TLPT-HC ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2021/HC-ST ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1081/2021/QĐPT-HC ngày 20 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp x1, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ:

1/Luật sư Nguyễn Hải V, là Luật sư - Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

2/Luật sư Đặng Huỳnh L – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện U (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm x3, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện U: Ông Trần Thanh T1 – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện U (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Q (có mặt)

2. Ông Nguyễn Thanh K, sinh năm 1986 (vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Thanh L1, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp x1, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau

4. Ủy ban nhân dân xã K

Địa chỉ: Ấp x1, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã K: Ông Phạm Văn H2; Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, là người đại diện theo ủy quyền (vắng mặt)

5. Ủy ban nhân dân huyện U (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm x3, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Uỷ ban nhân dân huyện U: Ông Trần Thanh T1 – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện U (có mặt).

6. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

Địa chỉ: Số 2 L, phường T, Quận B, Thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam: Ông Nguyễn Chí D3; Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh huyện U Cà Mau (xin xét xử vắng mặt).

7. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau

Địa chỉ: Số 69, đường P, khóm x3, phường x6, thành phố C, tỉnh Cà Mau

Người đại diện hợp pháp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau: Ông Huỳnh Thanh G; Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện U (có mặt).

8. Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 02, đường H, phường x5, thành phố C, tỉnh Cà Mau

9. Bà Nguyễn Hồng N3, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp x1, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Thanh L1, bà Nguyễn Hồng N3, ông Nguyễn Thanh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm, người khởi kiện trình bày:

Năm 1990, huyện U có chủ trương cấp đất cho dân, trong đó có hộ của ông Đ. Vị trí phần đất được cấp: Phía hậu từ kênh Kiểm Lâm (Kênh Hậu-Kênh cũ) chạy ra đến hết bờ bao Lâm ngư trường U III (mặt tiền). Khi nhận đất, gia đình ông Đ cũng như các hộ dân khác tập trung cải tạo đất để trồng lúa và quản lý sử dụng đến nay. Đến ngày 15/4/1995, ông Đ được Ủy ban nhân dân huyện U cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0151983 diện tích 38.900m^2 thuộc thửa số 0259 và 0292, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Năm 2002, Nhà nước quy hoạch lộ xe tuyến Cà Mau-U đi qua phần đất của ông Đ. Khi lộ hoàn thành, ông Đ còn lại một phần đất thừa ở phía Tây lộ giáp Lâm ngư trường U III cũ, phần đất có chiều ngang 162m, dài 25m, diện tích 4.050m^2, có tứ cận: Đông giáp lộ xe Cà Mau-U; Tây giáp kinh Khu B; Nam giáp kinh R; Bắc giáp hộ ông Nguyễn Trường G2. Phần diện tích này nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ và được sử dụng 30 năm qua. Nhưng từ khi có lộ đến nay, Nhà nước cho rằng phần đất này là của Uỷ ban nhân dân xã K quản lý. Mỗi khi gia đình ông Đ cũng như các hộ lân cận sử dụng cũng bị phạt và cưỡng chế tháo dỡ. Quá bức xúc, ngày 29/6/2019, ông Đ cùng 26 hộ dân gửi đơn đến Uỷ ban nhân dân huyện U yêu cầu cho các hộ dân được tiếp tục sử dụng phần đất. Ngày 20/02/2020, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện U có Văn bản số 544/UBND-NĐ trả lời không chấp nhận yêu cầu của các hộ dân. Vì vậy, ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xem xét hủy một phần Văn bản số 544/UBND-NĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện U.

Quá trình tham gia tố tụng, tại Văn bản số 2978/UBND-NC ngày 31/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Uỷ ban nhân dân huyện U trình bày:

Năm 1990, Nhà nước thực hiện chủ trương cấp đất cho nhân dân trên một số khu vực thuộc địa bàn xã K, trong đó có hộ ông Đ nằm trên tuyến kênh Ba Nò đến T23, ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Năm 1994, Sở Địa chính tỉnh Minh Hải (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau) thực hiện chủ trương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đồng loạt cho nhân dân trên địa bàn huyện U, trong đó có xã K. Về thành phần hồ sơ đầy đủ, đúng quy định của pháp luật về đất đai, được Uỷ ban nhân dân huyện U ban hành Quyết định số 1235-QĐ/UB ngày 25/7/1994, trong đó, Quyết định này cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 1570 cá nhân (có ông Đ, tại thửa đất số 0259 và 0292, tờ bản đồ số 1, diện tích 38.900m^2 tọa lạc tại ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau). Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ là cấp cho cá nhân.

Phần đất phía Tây lộ xe U-Cà Mau (đoạn từ kênh B đến T23) thuộc ấp 1, xã K là đất giao thông kết hợp với thủy lợi.

Căn cứ dữ liệu quản lý đất đai tại bản đồ 299 (năm 1994), Bản đồ tọa độ năm 2003, Uỷ ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho

nhân dân thì phần đất phía bờ Tây lộ xe U-Cà Mau không cấp cho người dân, trong đó có ông Đ.

**Quá trình tham gia tố tụng, tại Văn bản số 2955/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 17/11/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau trình bày:*

Ông Nguyễn Văn Đ được Uỷ ban nhân dân huyện U cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0151983 ngày 25/4/1995, diện tích 38.900,0m^2 (gồm: 300m^2 đất ở và 38.600,0m^2 đất trồng lúa), thuộc thửa đất số 259, 292, tờ bản đồ số 1.

Sau khi đo đạc thực tế khu đất có tổng diện tích là 49.662,3m^2 (thửa đất số 292 tăng 10.722,8m^2 đất trồng lúa nước còn lại, thửa đất số 259 tăng 39,5m^2 đất trồng lúa nước còn lại). Ông Đ thực hiện chuyển nhượng cho ông Trần Văn Đ3 toàn bộ thửa đất số 259, với diện tích đo đạc thực tế là 3.939,5m^2 (gồm 300m^2 đất ở và 3.639,5m^2 đất trồng lúa nước còn lại), thực hiện chuyển nhượng cho ông Huỳnh Cẩm C2 một phần thửa đất số 292, với diện tích 22.611,2m^2 đất trồng lúa nước còn lại. Sau khi chuyển nhượng, diện tích còn lại là 23.111,6m^2 đất trồng lúa nước còn lại; ngày 31/8/2018, ông Đ nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 23.111,6m^2 đất trồng lúa nước còn lại.

Ngày 26/9/2018, Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai thừa ủy quyền Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 855147 cho ông Đ thuộc thửa số 2, tờ bản đồ trích đo số 512-2018, diện tích 23.111,6m^2 đất trồng lúa nước còn lại, thời hạn sử dụng đất đến ngày 25/4/2065, tại ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Hồ sơ cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Đ được thực hiện đúng theo quy trình, thủ tục quy định pháp luật về đất đai tại: Khoản 5 Điều 98, điểm k khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai; Điều 76 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Điều 15 Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Cà Mau (nay được thay thế tại Quyết định số 52/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Cà Mau).

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 855147 ngày 26/9/2018 được cấp cho ông Đ.

**Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Uỷ ban nhân dân tỉnh Cà Mau trình bày:*

Căn cứ pháp lý, trình tự thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 04/02/2008 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc giao đất cho Uỷ ban nhân dân xã K quản lý tại xã K, huyện U để giao đất, giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân theo Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 và Nghị

định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ, Uỷ ban nhân dân tỉnh đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Diện tích đất giao cho Uỷ ban nhân dân xã K quản lý là 4.250,43ha thuộc loại đất rừng, sản xuất, gồm 02 phần đất như sau:

- Thu hồi 4.236,1ha đất của Lâm ngư trường U III tại xã K (tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 12/01/2007), vị trí, ranh giới phần đất thu hồi theo Bản đồ hiện trạng vị trí "Trích đo" số 66/BĐ, tỷ lệ 1/5000 do Trung tâm Thông tin Tài nguyên và Môi trường xác lập ngày 22/12/2006 và được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 25/12/2006.

- Khu đất 14,33ha đất bảo lưu chân đê từ Cống số 3 đến Kinh 500 Minh Hà theo Bản đồ hiện trạng vị trí "Trích đo" tỷ lệ 1/5000 do Trung tâm Thông tin Tài nguyên và Môi trường xác lập ngày 22/12/2006 và được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 25/12/2006.

Qua đối chiếu Bản đồ hiện trạng giao đất cho Uỷ ban nhân dân xã K quản lý, thì phần đất ông Nguyễn Văn Đ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nằm ngoài phần diện tích 4.250,43ha đã giao cho Uỷ ban nhân dân xã K quản lý tại Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 04/12/2008 của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2021/HC-ST ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định như sau:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc hủy một phần Văn bản số 544/UBND-NĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện U về việc trả lời đơn yêu cầu của tập thể 26 hộ dân tuyến kênh từ T21-T23 thuộc ấp 1, xã K, huyện U.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Thanh L1, bà Nguyễn Hồng N3, ông Nguyễn Thanh K kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo bà Nguyễn Thị Q có cùng nội dung kháng cáo với ông Đ. Người bị kiện Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện U tỉnh Cà Mau vắng mặt.

Trong phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện (luật sư Đặng Huỳnh L) phát biểu: Năm 1994 Sở địa chính Cà Mau có chủ trương cấp đất đại trà cho các hộ dân, trong đó có hộ ông Đ. Sau khi được cấp đất, trong quá trình sử dụng ông Đ có chuyển nhượng cho một số người, trong chuyển nhượng thì diện tích còn lại là 23.111,6 m^2. Phần đất này đã được Văn phòng đăng ký đất

đai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cho thấy việc sử dụng đất của ông Đ là hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Trong văn bản người bị kiện có nhắc đến việc cấp đất cho ông Đ là đúng trình tự. Khi con đường đi qua, phần đất có một phần nằm qua bên kia con đường nên Ủy ban xã cho rằng đây là phần đất do xã quản lý, nhưng không có căn cứ nào xác định phần đất này là của Uỷ ban nhân dân xã. Ông Đ sử dụng đất từ trước cho đến nay, không có tranh chấp với ai. Việc Ủy ban bác đơn khiếu nại của ông Đ là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đ.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện (luật sư Nguyễn Hải V) phát biểu: Việc cấp đất cho ông Đ năm 1995 không ghi rõ ranh đất, đây lỗi là phía chính quyền chứ không phải lỗi của ông Đ. Thể hiện qua việc diện tích đất của ông Đ được cấp là hơn 35.000m^2, nhưng thực tế là bốn mấy nghìn (ông Đ đã bán hơn 22.000m^2). Ngoài ra có thể thấy các tài liệu chứng cứ do ủy ban huyện cung cấp chỉ mang tính chất tham khảo.

Quyết định số 44 ngày 04/02/2008, sơ đồ 299, biên bản ngày 06/12/2019 (triển khai công văn số 544), xác định quản lý đất chưa được thống nhất, người bị kiện cũng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh cho ý kiến trình bày của mình. Đây là những văn bản không có liên quan tranh chấp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau phát biểu: Khi giao đất cho ông Đ, đất ban đầu của ông Đ có mặt tiền ở hướng khác, sau khi có lộ ông Đ mới quay mặt tiền về bên này. Uỷ ban nhân dân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ có hai thửa, một thửa ở nơi khác, thửa còn lại có diện tích khoảng 35.000m^2, nhưng thực tế diện tích đất là lớn hơn. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Uỷ ban nhân dân huyện U và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện U giữ nguyên lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo qui định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Xét về nội dung vụ án: Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện U không có kháng cáo vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh K, ông Nguyễn Thanh L1, bà Nguyễn Hồng N3 có kháng cáo vắng mặt. Xét thấy, người bị kiện đã có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo vắng mặt là các con của ông Đ, bà Q có cùng nội dung kháng cáo với người khởi kiện. Tất cả các đương sự đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông Đ cùng 25 hộ dân thuộc ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau có nhiều đơn yêu cầu Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện U cho 26 hộ dân tiếp tục được quản lý, sử dụng phần đất thuộc đoạn từ kênh 21 đến kênh 23 (phía Tây tuyến lộ Cà Mau-U), không chấp nhận giao phần đất này cho Uỷ ban nhân dân xã K quản lý để trồng cây Keo Lai gây quỹ cho xã.

Ngày 20/02/2020, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện U ban hành Văn bản số 544/UBND-NĐ về việc trả lời đơn yêu cầu của tập thể 26 hộ dân tuyến kênh từ T21-T23 thuộc ấp 1, xã K, huyện U, trong đó có nội dung "Đối với phần đất phía Tây lộ xe U-Cà Mau (đoạn từ kênh Ba Nò đến tuyến kênh 23) là đất do Ủy ban nhân dân xã K quản lý…Trường hợp các hộ dân có nhu cầu sử dụng phần đất phía Tây lộ xe U - Cà Mau (đoạn từ kênh Ba Nò đến tuyến kênh 23) thuộc Ấp 1, xã K thì phải thực hiện thủ tục làm đơn xin thuê đất… Trường hợp cá nhân không có nhu cầu xin thuê đất thì nghiêm cấm mọi hành vi lấn, chiếm đất đai, nếu tổ chức, cá nhân nào vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thì Ủy ban nhân dân xã K thực hiện trình tự, thủ tục xử lý theo quy định pháp luật. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu… Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K và Tập thể 26 hộ dân đoạn từ Kênh T21-23 thuộc ấp 1 xã K thực hiện đúng nội dung Văn bản". Không đồng ý với nội dung văn bản trên, ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau hủy một phần Văn bản số 544/UBND-NĐ ngày 20/02/2020 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện U.

[3] Nhận định của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau:

[3.1] Ngày 26/9/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp cho ông Đ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 855147 tại thửa số 2, tờ bản

đồ số 512, diện tích 23.111,6m^2 (thửa đất được tách từ thửa đất số 292, tờ bản đồ số 1 (BĐ 299)). Ông Đ cho rằng, phần đất phía Tây lộ xe U - Cà Mau thuộc quyền sử dụng đất được cấp cho ông. Do đó, mặc dù ông Đ không khởi kiện, nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN855147 là Quyết định hành chính có liên quan, nên phải được xem xét đánh giá trong cùng vụ án này.

[3.2] Đánh giá tính hợp pháp của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 855147:

Ông Đ có 02 phần đất tại ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau, đã được Uỷ ban nhân dân huyện U cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0151983 ngày 25/4/1995 gồm thửa 0259 và 0292, tờ bản đồ số 1, tổng diện tích 38.900m^2. Quá trình sử dụng đất, ông Đ đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 0259 và chuyển nhượng 01 phần thửa số 0292. Vì vậy, năm 2018, ông Đ làm thủ tục xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Uỷ ban nhân dân huyện U tiếp nhận hồ sơ. Sau đó, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện U tiến hành đo đạc, xác minh hiện trạng, thực hiện chỉnh lý thu hồi Giấy chứng nhận số E 0151983 do Uỷ ban nhân dân huyện U cấp cho ông Đ ngày 25/4/1995 và lập Tờ trình số 810/TTr-CN.VPĐKĐĐ ngày 12/9/2018 về việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Cà Mau (được Sở Tài nguyên và Môi trường ủy quyền) xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 26/9/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 855147 cho ông Đ. Sau khi được cấp quyền sử dụng đất số CN 855147, ông Đ không có khiếu nại hoặc khởi kiện. Mặt khác, sau khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CN 855147, ông Đ đã thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện U Cà Mau. Do đó, theo khoản 5 Điều 98, điểm k khoản 1 Điều 99, khoản 3 Điều 105 của Luật Đất đai và Điều 37, Điều 76 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, có căn cứ và hợp pháp.

[3.3] Đánh giá tính hợp pháp của Văn bản số 544/UBND-NĐ ngày 20/02/2020:

Tại phiên tòa ngày 09/12/2020, vợ chồng ông Đ xác định vào thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0151983, hộ gia đình ông gồm có 05 người, gồm vợ chồng ông và 03 người con (bà N3, ông L1 và ông K). Tuy nhiên, tại Văn bản số 2978/UBND-NC ngày 31/7/2020, Uỷ ban nhân dân huyện U xác định việc cấp quyền sử dụng các thửa đất nói trên là cấp cho cá nhân ông Đ. Tại Văn bản số 119/CNVPĐKĐĐ ngày 27/10/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện U cũng xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 855147 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 26/9/2018 tại thửa số 2, tờ bản đồ số 512 là cấp cho cá nhân ông Đ.

Theo sơ đồ thửa đất có trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0151983, thì thửa đất số 292 không có cạnh nào giáp với kênh đê bao. Sơ đồ thửa 292 có trong Giấy chứng nhận phù hợp với trích lục bản đồ do Trung tâm Kỹ thuật-Công nghệ-Quan trắc Tài nguyên và Môi trường trích lục ngày 21/7/2020. Trong quá trình làm thủ tục cấp đổi sổ vào năm 2018, theo kết quả đo đạc thực tế và biên bản xác minh ngày 14/8/2018, diện tích tại thửa 292 có diện tích 45.722,8m^2. Ông Đ xác nhận thửa đất này không giáp với quỹ đất của xã quản lý, chỉ giáp R, lộ đất dọc theo kênh thủy lợi và giáp đất ông Nguyễn Trường G2. Diện tích tăng lên không phải do lấn chiếm quỹ đất công, không lấn chiếm các hộ đất liền kề, không lấn chiếm sông, kênh (hiện trạng sông, kênh tiếp giáp vẫn còn như tại thời điểm cấp giấy chứng nhận). Nguyên nhân của sự sai lệch này là do tại thời điểm cấp giấy chứng nhận không có đo đạc thực tế, cấp theo bản đồ 299 nên có sai số. Ông Đ thống nhất với kết quả đo đạc nêu trên và xin được cấp giấy chứng nhận theo kết quả đo đạc.

Theo Mảnh trích đo địa chính số 512 năm 2018 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện U lập ngày 16/8/2018, phần đất ông Đ xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có vị trí: Mặt tiền (hướng Tây) giáp lộ xe; Mặt hậu (hướng Đông) giáp lộ đất; Cạnh phải nhìn từ mặt tiền (hướng Nam) giáp với phần đất ông Đ chuyển nhượng cho ông Huỳnh Cẩm C2; Cạnh trái nhìn từ mặt tiền (hướng Bắc) giáp với R.

Theo Trích đo hiện trạng do Trung tâm Kỹ thuật-Công nghệ-Quan trắc Tài nguyên và Môi trường lập ngày 20/10/2020, xác định phần đất ông Đ yêu cầu được sử dụng qua đo đạc thực tế diện tích 3.782,6m^2, có vị trí: Mặt tiền (hướng Tây) giáp với Kênh đê bao Lâm trường; Mặt hậu (hướng Đông) giáp với Lộ xe U-Cà Mau; Cạnh phải nhìn từ mặt tiền (hướng Nam) giáp với phần đất đang tranh chấp giữa ông Nguyễn Trường G2 với Uỷ ban nhân dân huyện U; Cạnh trái nhìn từ mặt tiền (hướng Bắc) giáp với phần đất đang tranh chấp giữa ông Dương Văn Vạn với Uỷ ban nhân dân huyện U.

Đối chiếu vị trí phần đất ông Đ yêu cầu được sử dụng (3.782,6m^2) với vị trí phần đất tại thửa số 2, tờ bản đồ số 512 (thửa đất được tách ra từ thửa 292, tờ bản đồ số 1 (bản đồ 299)) cấp quyền sử dụng cho ông Đ vào ngày 26/9/2018 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 855147, thì phần đất có diện tích 3.782,6m^2 nằm ngoài thửa đất số 2, tờ bản đồ số 512.

Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đ cung cấp một giấy chuyển nhượng đất ruộng (bản photo) giữa ông Trương Văn Tình và ông Nguyễn Thành Công (được Ban nhân dân ấp 1 xác nhận ngày 04/3/1992 và Uỷ ban nhân dân xã K xác nhận ngày 06/3/1992) để chứng minh phần đất của ông Tình có cạnh giáp với Kênh đê bao Lâm trường. Phần đất của ông Đ cũng có vị trí gần giống với vị trí đất của ông Tình. Tuy nhiên, trong giấy chuyển nhượng đất này, phần đất ông Tình chuyển nhượng cho ông Công có cạnh hướng Tây giáp lộ xe, phần đất không có cạnh nào giáp Kênh đê bao Lâm trường như ông Đ xác định.

Theo Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 04/02/2008 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc giao đất cho Uỷ ban nhân dân xã K, huyện U quản lý tại xã K, huyện U để giao đất, giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân theo Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 và Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ và Bản đồ hiện trạng vị trí "trích đo" số 66/BĐ tỷ lệ 1/25.000 do Trung tâm Thông tin Tài nguyên và Môi trường xác lập ngày 22/12/2006, thì phần diện tích 3.782,6m^2 thuộc thẩm quyền quản lý của Uỷ ban nhân dân xã K. Tại Báo cáo số 15/BC-STNMT ngày 13/01/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường xác định, qua đối chiếu Bản đồ hiện trạng giao đất cho Uỷ ban nhân dân xã K quản lý, thì phần đất ông Đ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nằm ngoài phần diện tích 4.250,43ha đã giao cho Uỷ ban nhân dân xã K quản lý.

Với các chứng cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện U ban hành Văn bản số 544/UBND-NĐ không chấp nhận yêu cầu của ông Đ về việc được sử dụng phần đất với diện tích 3.782,6m^2 là có căn cứ, nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Thanh L1, bà Nguyễn Hồng N3, ông Nguyễn Thanh K kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, bác yêu cầu kháng cáo của người có kháng cáo, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hành chính phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn Đ sinh năm 1960 nên được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Thanh K, ông Nguyễn Thanh L1, bà Nguyễn Hồng N3 phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015,

I/Bác yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Thanh L1, bà Nguyễn Hồng N3, ông Nguyễn Thanh K; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 03/2021/HC-ST ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc hủy một phần Văn bản số 544/UBND-NĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện U về việc trả lời đơn yêu cầu của tập thể 26 hộ dân tuyến kênh từ T21-T23 thuộc ấp 1, xã K, huyện U.

2. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II/Án phí hành chính phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn Đ được miễn án.

- Bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Thanh L1, bà Nguyễn Hồng N3, ông Nguyễn Thanh K mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 0000099, 0000102, 0000100, 0000101 cùng ngày 01/02/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- NKK (1);
- NBK (1);
-NLQ (9);
- Lưu (10) 26b (Án BDA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên